

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2020/HNGĐ-ST

Ngày 10/12/2020

“V/v ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Minh Khánh - Cán bộ hưu.

Ông Ngô Văn Bê - Cán bộ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Lương Thất Tùng - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 10/12/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 28/2020/TLST-HNGĐ ngày 28/02/2020 về việc “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/10/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13/11/2020, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Phan Anh D, sinh năm: 1963.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 136, đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Vắng mặt tại phiên tòa.

* Bị đơn: Bà Đặng Thị V, sinh năm: 1964.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Số nhà 136, đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang ở nước ngoài, không rõ địa chỉ.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là Ông Phan Anh D trình bày:*

- Về quan hệ vợ chồng: Ông và bà Đặng Thị V kết hôn ngày 10/12/1986 tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Trước khi kết hôn có sự tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn chung sống hòa thuận hạnh phúc. Năm 2011 bà Đặng Thị V đi xuất khẩu lao động, khoảng 1 năm sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Từ đó đến nay tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, sống ly thân với nhau, vợ chồng không còn gọi điện thăm hỏi, quan tâm gì đến nhau nữa. Nay ông xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Đặng Thị V.

- Về con chung : Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phan Trung H1, sinh ngày 14/7/1987 và cháu Phan Thu H2, sinh ngày 10/8/1996. Hiện nay 2 con chung đã trưởng thành, có cuộc sống ổn định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Ông và bà V tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về các khoản nợ chung: không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn bà Đặng Thị V hiện đang lao động ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với bà Đặng Thị V.

Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ thông qua người thân của bà V là ông Đặng Đình D, sinh năm 1974, địa chỉ: thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Tại các biên bản làm việc với Tòa án, ông Đặng Đình D có quan điểm trình bày: Bà Đặng Thị V là chị gái của ông, hiện nay bà V đi lao động ở nước ngoài và vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Địa chỉ của bà V ở nước ngoài thì gia đình không cung cấp được và gia đình cũng từ chối thực hiện yêu cầu của Tòa án về việc thông báo, yêu cầu bà Đặng Thị V gửi quan điểm, lời khai về cho Tòa án. Gia đình đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án về yêu cầu khởi kiện của Ông Phan Anh D, gia đình đã thông báo cho bà Đặng Thị V biết. Bà Đặng Thị V có trao đổi quan điểm với gia đình về việc Ông Phan Anh D xin ly hôn như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị V đồng ý ly hôn với Ông Phan Anh D.

- Về con chung: Vợ chồng bà V có 02 con chung là cháu Phan Trung H1, sinh

ngày 14/7/1987 và cháu Phan Thu H2, sinh ngày 10/8/1996. Bà V nhất trí quan điểm trình bày của ông D về con chung.

- Về tài sản chung của vợ chồng bà V thì ông D trình bày: Bà V không đề cập gì đến tài sản chung với ông D nên tôi không biết quan điểm của bà V như thế nào.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, Ông Phan Anh D xin vắng mặt, không có quan điểm gì khác về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn. Bà Đặng Thị V vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56-Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho Ông Phan Anh D được ly hôn bà Đặng Thị V. Về con chung: các con chung của ông D, bà V đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Tài sản chung, công nợ: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về án phí: căn cứ khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc ông D phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Phan Anh D là người Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại Việt Nam có đơn xin ly hôn bà Đặng Thị V. Bị đơn bà Đặng Thị V là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại số nhà 136, đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang nhưng đang cư trú ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Căn cứ công văn số: 2133/QLXNC-P5 ngày 24/02/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì bà Đặng Thị V đã xuất nhập cảnh 03 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 08/3/2018, chưa thấy thông tin nhập cảnh về Việt Nam; không có thông tin địa chỉ nước đến, địa chỉ ở nước ngoài

của bà Đặng Thị V. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định: về quan hệ pháp luật đây là vụ án “ly hôn” theo quy định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa Ông Phan Anh D vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; bà Đặng Thị V vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ thì đây được coi là trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã niêm yết tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho bà Đặng Thị V theo quy định tại khoản 5, Điều 177; Điều 179 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228- Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với Ông Phan Anh D, bà Đặng Thị V.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

[3.1]. Ông Phan Anh D, bà Đặng Thị V kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 10/12/1986 tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Trong giấy chứng nhận kết hôn của UBND xã Hoàng Tung có ghi Ông Phan Anh D, sinh năm 1961 và họ tên của bà V là Đặng Thị Thu Vĩnh. Tuy nhiên theo giải trình của ông D thì giấy khai sinh của ông là sinh năm 1963, do không đủ tuổi đi bộ đội nên có khai năm sinh là 1961. Bà Đặng Thị V khi đi học sư phạm khai tên là Đặng Thị Thu Vĩnh, còn trong sổ hộ khẩu gia đình và các giấy tờ tùy thân đều là Đặng Thị V. Qua lời khai của Ông Phan Anh D, ông Đặng Đình D (em trai bà V) và các tài liệu do cơ quan có thẩm quyền cung cấp thì có căn cứ xác định Ông Phan Anh D, bà Đặng Thị Thu Vĩnh trong giấy chứng nhận kết hôn chính là Ông Phan Anh D, bà Đặng Thị V đang có yêu cầu giải quyết ly hôn. Do đó quan hệ hôn nhân giữa Ông Phan Anh D và bà Đặng Thị V được coi là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo trình bày của ông D thì: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Năm 2011 bà Đặng Thị V đi xuất khẩu lao động, khoảng 1 năm sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Từ đó đến nay tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, sống ly thân với nhau, vợ chồng không còn gọi điện thăm hỏi, quan tâm gì đến nhau nữa. Nay ông xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Đặng Thị V. Thông qua người thân (là em trai) bà Đặng Thị V có quan điểm đồng ý ly hôn với Ông

Phan Anh D.

[3.2]. Hội đồng xét xử thấy: từ năm 2012 đến nay thì bà Đặng Thị V ít liên lạc về với gia đình, mỗi lần liên lạc về vợ chồng hay xảy ra cãi nhau. Giữa ông D và bà V không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng cả ông D và bà V đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa Ông Phan Anh D và bà Đặng Thị V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cả hai ông bà đều đồng ý ly hôn. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho Ông Phan Anh D được ly hôn bà Đặng Thị V.

[4]. Về con chung: Ông D, bà V có 02 con chung là Phan Trung H1, sinh ngày 14/7/1987 và Phan Thu H2, sinh ngày 10/8/1996. Hiện nay 2 con chung đã trưởng thành, có cuộc sống ổn định. Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung, vì vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): các đương sự hiện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Sau này nếu có tranh chấp tài sản chung, các khoản nợ chung thì các đương sự có quyền đề nghị Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc Ông Phan Anh D phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; điểm b, khoản 1, Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Anh D được ly hôn bà Đặng Thị V.

2. Về án phí: Ông Phan Anh D phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000587 ngày 28/02/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận Ông Phan Anh D đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

- Bà Đặng Thị V hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Ông Phan Anh D cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng;
- UBND phường T, thành phố B;
- Công thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Ong Thân Thắng